TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2022
V/v tranh chấp ‘‘Ly hôn, nuôi con’’

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

+ Ông **Nguyễn Văn Hòa**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Quốc Hiển –** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thúy Q**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

* Bị đơn: Anh **Huỳnh Minh V**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Thúy Q trình bày:

- Chị với anh Huỳnh Minh V cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xãy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Minh V.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 28/6/2021. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu

anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Tại phiên Tòa hôm nay chị yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn anh Huỳnh Minh V dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị Q; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Huỳnh Minh V, anh V có địa chỉ tại xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Đối với anh Huỳnh Minh V dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị Q và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Huỳnh Minh V.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q với anh V cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì ly thân cho đến nay. Theo chị Q khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xãy ra sung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm với anh V nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Xét thấy chị Q với anh V cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến cuối năm 2021 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q cương quyết ly hôn, còn anh V vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Q, xem như anh từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn

trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q cho chị được ly hôn với anh V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 28/6/2021. Từ khi ly thân đến nay chị Q là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay con chung anh chị do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa con chung của anh chị tính đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q là giao con chung của anh chị tên Huỳnh Minh P cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

- Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Q: Huỳnh Minh P là con chung của chị với anh V. Khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi con chung thì anh V phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác lương cơ bản ngày một có chiều hướng tăng dần, giá cả thị trường cũng thay đổi theo chiều hướng tăng theo. Chất lượng cuộc sống cũng thay đổi theo chiều hướng ngày một nâng lên. Do đó việc chị Q yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cầ buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị tên Huỳnh Minh P do chị Q nuôi dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng là từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi lao động được.

- Về tài sản chung: Chị Q khai tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] <u>Về án phí dân sự sơ thẩm</u>: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. <u>Về quan hệ hôn nhân</u>: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy Q.

- Cho chị Trần Thị Thúy Q được ly hôn với anh Huỳnh Minh V.

2. <u>Về con chung</u>: Giao con chung của anh chị tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 28/6/2021 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc anh V cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Minh P mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung của anh chị đủ 18 tuổi và lao động được.

- Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. <u>Về án phí</u>: Chị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009274, ngày 14/02/2022 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Anh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. <u>Về quyền kháng cáo</u>: Chị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG